

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

-----o0o-----

Số: 23.2015/HHA/CV-CBTT

(V/v Công bố thông tin định kỳ:
BCTC bán niên soát xét năm 2015)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----☪-----

Tp.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ trụ sở chính: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP.HCM
4. Điện thoại: 08 3974 1135 – 08 3974 1136 Fax: 08 3974 1280
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám Đốc
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 08/08/2015 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình: Theo File đính kèm.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: hha.hunghau.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Từ Thanh Phụng



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 41
8. Phụ lục	42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty cổ phần thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84 – 8) 3974 1135
- Fax : (84 – 8) 3974 1280

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Ngô Đức Dũng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Tấn Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thanh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Lại Thị Giáo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Văn Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2014
Bà Tô Thị Kim Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014
Bà Đinh Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014
Ông Ngô Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Hậu (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các Chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

20473
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
T. PHỐ C

449815
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN
& C
T. PHỐ C

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Văn Hậu
Trần Văn Hậu
Chủ tịch

Ngày 11 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0707/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 08 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Phước Hồng Hạnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2058-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 15

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.178.424.366	216.548.264.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.584.760.255	5.682.268.212
1. Tiền	111		6.584.760.255	5.682.268.212
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.072.902.778	19.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	28.072.902.778	19.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.353.688.150	106.299.018.056
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.213.937.442	76.023.762.336
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	40.120.771.775	29.498.401.788
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.018.978.933	776.853.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.483.904.708	81.558.967.437
1. Hàng tồn kho	141	V.6	79.483.904.708	81.558.967.437
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.683.168.475	4.008.010.854
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	86.502.965	262.361.871
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.596.665.510	3.745.648.983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		151.265.540.976	85.150.765.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.068.802.118	189.747.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.068.802.118	189.747.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		97.298.230.828	80.605.274.889
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	67.595.406.706	66.474.638.591
- Nguyên giá	222		97.625.459.369	93.376.354.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.030.052.663)	(26.901.716.095)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	15.334.648.140	-
- Nguyên giá	225		15.334.648.140	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.368.175.982	14.130.636.298
- Nguyên giá	228		15.841.673.395	15.430.874.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.473.497.413)	(1.300.238.197)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.218.144.816	2.407.052.995
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.218.144.816	2.407.052.995
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		15.225.500.000	225.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	15.225.500.000	225.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.454.863.214	1.723.189.717
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	33.454.863.214	1.723.189.717
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		370.443.965.342	301.699.029.660

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		243.615.128.257	174.870.481.112
I. Nợ ngắn hạn	310		204.718.905.603	174.870.481.112
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	20.315.958.118	19.630.097.829
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		241.779.507	1.154.270.684
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.459.383.161	4.963.634.409
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.831.615.126	6.059.589.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	260.020.924	492.756.440
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a,b	8.532.551.603	4.449.681.371
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	166.031.055.179	138.014.158.658
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	46.541.985	106.292.426
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		38.896.222.654	
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	38.896.222.654	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.828.837.085	126.828.548.548
I. Vốn chủ sở hữu	410		126.828.837.085	126.828.548.548
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	69.786.530.000	55.832.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		69.786.530.000	55.832.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	29.373.915.415	29.463.642.688
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19	(10.100.000)	(10.100.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	16.466.640.376	16.251.946.674
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	11.211.851.294	25.291.059.186
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		5.575.310.037	25.291.059.186
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.636.541.257	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		370.443.965.342	301.699.029.660

Nguyễn Nữ Huyền My
Người lập biểu

Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2015

Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	241.472.011.636	205.256.909.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.027.052.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		241.472.011.636	203.229.857.052
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	222.008.984.882	188.959.658.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.463.026.754	14.270.198.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	894.308.289	2.348.491.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.701.210.122	4.008.909.091
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.887.907.574	3.152.998.526
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.762.932.132	4.965.996.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.259.814.358	3.857.813.217
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.633.378.431	3.785.971.786
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.807.161.829	3.263.813.456
12. Chi phí khác	32		214.205.315	182.743.558
13. Lợi nhuận khác	40		2.592.956.514	3.081.069.898
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.226.334.945	6.867.041.684
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.589.793.688	1.510.749.170
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.636.541.257</u>	<u>5.356.292.514</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>703</u>	<u>884</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>703</u>	<u>884</u>


Nguyễn Nữ Huyền My
Người lập biểu

Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2015

Tùng Thanh Phụng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.226.334.945	6.867.041.684
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9, V.10	3.301.595.784	3.108.317.421
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	321.568.958	528.289.128
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(579.699.296)	(1.067.663.450)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.887.907.574	3.152.998.526
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.157.707.965	12.588.983.309
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.521.938.761	(20.758.503.160)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.075.062.729	(13.601.863.274)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.172.103.446	15.515.615.070
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31.645.541.864)	781.804.542
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4, V.15	(4.817.643.090)	(3.011.446.783)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(520.278.582)	(2.539.593.683)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.100.533.888)	(563.322.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.157.184.523)	(11.588.326.222)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.11, VII	(20.078.790.029)	(1.104.472.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	938.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(21.072.902.778)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(15.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	472.874.296	333.666.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.678.818.511)	167.467.253

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU


Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20.719.445.455
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a,b	230.525.112.514	204.419.655.064
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a,b	(177.306.926.143)	(183.950.419.220)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17b	(3.479.691.294)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.511.984.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>49.738.495.077</u>	<u>34.676.697.299</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		902.492.043	23.255.838.330
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.682.268.212	1.916.469.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.032.128
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>6.584.760.255</u>	<u>25.173.340.363</u>


Nguyễn Nữ Huyền My
Người lập biểu


Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2015


Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 584 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 634 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời gian bảo hiểm thực hiện.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (32-42 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 15 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (44 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05- 08 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Sau khi hoàn thành các điều kiện chuyển nhượng và hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng vốn, Công ty sẽ thanh toán 10.000.000.000 VND còn lại.

Cam kết góp vốn

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDKT-2008 ngày 06 tháng 6 năm 2008 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khu phức hợp SJI Plaza – Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp tại số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Công ty cam kết sẽ góp 23% tương đương 22.540.000.000 VND trong tổng vốn góp ban đầu của dự án là 98.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.010.522.387	24.836.461.692
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	4.485.835.795	19.996.796.386
Trường đại học Văn Hiến	4.516.793.067	4.839.665.306
Công ty TNHH Hùng Cá	7.893.525	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	51.203.415.055	51.187.300.644
Công ty TNHH nông nghiệp Tây Nguyên	14.438.647.049	-
Các khách hàng khác	36.764.768.006	51.187.300.644
Cộng	60.213.937.442	76.023.762.336

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty cổ phần thủy sản số 9	17.617.558.083	14.285.522.798
Công ty cổ phần thủy sản Hùng Hậu	20.000.000.000	-
Công ty cổ phần Docifish	-	5.003.936.000
Công ty TNHH Hoàn Kim	-	3.282.223.700
Các nhà cung cấp khác	2.503.213.692	6.926.719.290
Cộng	40.120.771.775	29.498.401.788

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	350.353.889	-	350.353.889	-
Trường đại học Văn Hiến - Tiền lãi cho vay	350.353.889	-	350.353.889	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	668.625.044	-	426.500.043	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	493.325.043	-	386.500.043	-
Tạm ứng	175.300.001	-	40.000.000	-
Cộng	1.018.978.933	-	776.853.932	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế giá trị gia tăng tài sản thuê tài chính	1.204.886.618	-	-	-
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam - Ký quỹ thuê tài chính	1.681.448.000	-	-	-
Nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu	182.467.500	-	189.747.500	-
Cộng	3.068.802.118	-	189.747.500	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.924.914.034	-	38.478.935.631	-
Công cụ, dụng cụ	1.469.379.177	-	1.479.129.590	-
Thành phẩm	45.089.611.497	-	39.734.479.991	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.866.422.225	-
Cộng	79.483.904.708	-	81.558.967.437	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	54.866.668	183.271.028
Chi phí bảo hiểm	31.636.297	79.090.843
Cộng	86.502.965	262.361.871

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất (*)	32.560.930.158	-
Chi phí sửa chữa	847.210.274	1.389.214.871
Công cụ dụng cụ	46.722.782	333.974.846
	33.454.863.214	1.723.189.717

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần của thửa đất số 642 và số 624 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 – 42 năm được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín – Chi nhánh Điện Biên Phủ (xem thuyết minh số V.17b). Hiện tại, Công ty đang hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.594.624.172	33.770.816.384	3.831.214.258	2.179.699.872	93.376.354.686
Mua trong kỳ	3.891.005.998	107.000.000	-	-	3.998.005.998
Đầu tư XD CB hoàn thành	251.098.685	-	-	-	251.098.685
Số cuối kỳ	57.736.728.855	33.877.816.384	3.831.214.258	2.179.699.872	97.625.459.369
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.090.497.132	3.187.556.547	2.486.031.986	516.185.012	7.280.270.677
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.463.129.992	14.943.854.275	3.482.375.104	1.012.356.724	26.901.716.095
Khấu hao trong kỳ	1.238.884.081	1.602.688.857	93.264.548	193.499.082	3.128.336.568
Số cuối kỳ	8.702.014.073	16.546.543.132	3.575.639.652	1.205.855.806	30.030.052.663
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	46.131.494.180	18.826.962.109	348.839.154	1.167.343.148	66.474.638.591
Số cuối kỳ	49.034.714.782	17.331.273.252	255.574.606	973.844.066	67.595.406.706
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 47.801.179.831 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17a).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các cam kết mua sắm tài sản đã được Hội đồng quản trị thông qua và đã ký biên bản thỏa thuận với Công ty cổ phần thủy sản Hùng Hậu về việc nhận chuyển nhượng kho lạnh tại lô đất CV-2, khu công nghiệp Sa Đéc, phường Tân Quy, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản và công trình trên đất) với giá là 40.000.000.000 VND.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong kỳ	15.334.648.140	-	-
Số cuối kỳ	15.334.648.140	-	15.334.648.140

Theo hợp đồng thuê tài sản số 2015-00063-000 ngày 10 tháng 4 năm 2015 và hợp đồng thuê tài sản số 2015-00136-000 ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty được quyền mua tài sản thuê khi kết thúc thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.147.774.495	283.100.000	15.430.874.495
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	410.798.900	-	410.798.900
Số cuối kỳ	15.558.573.395	283.100.000	15.841.673.395
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.244.085.226	56.152.971	1.300.238.197
Khấu hao trong kỳ	155.563.824	17.695.392	173.259.216
Số cuối kỳ	1.399.649.050	73.848.363	1.473.497.413
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.903.689.269	226.947.029	14.130.636.298
Số cuối kỳ	14.158.924.345	209.251.637	14.368.175.982
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách 12.289.967.445 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091	-	-	1.878.034.091
Xây dựng nhà tiền chế Củ Chi (nhà máy Tân Phú Trung)	410.798.900	-	(410.798.900)	-
Xây dựng hội trường B	91.865.455	248.245.270	-	340.110.725
Xây dựng nhà để xe ô tô	-	98.645.000	(98.645.000)	-
Xây dựng tường rào	26.354.549	126.099.136	(152.453.685)	-
Cộng	2.407.052.995	472.989.406	(661.897.585)	2.218.144.816

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Hùng Cá	620.000.000	1.763.136.500
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	382.766.250	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH một thành viên thủy sản Diệp Nga	3.974.673.300	1.714.580.111
Doanh nghiệp tư nhân Bình Nhi	2.621.494.300	1.264.859.450
Các nhà cung cấp khác	12.717.024.268	14.887.521.768
Cộng	<u>20.315.958.118</u>	<u>19.630.097.829</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.520.278.582	1.589.793.688	(520.278.582)	2.589.793.688
Thuế thu nhập cá nhân	10.671.252	376.869.890	(380.436.244)	7.104.898
Tiền thuê đất	3.432.684.575	32.628.690.704	(33.198.890.704)	2.862.484.575
Các loại thuế khác	-	167.039.454	(167.039.454)	-
Cộng	<u>4.963.634.409</u>	<u>34.762.393.736</u>	<u>(34.266.644.984)</u>	<u>5.459.383.161</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các mặt hàng đã qua sơ chế thông thường	Không chịu thuế
- Các mặt hàng xuất khẩu	0%
- Các mặt hàng đã qua sơ chế	05%
- Các mặt hàng đã qua chế biến và các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.226.334.945	6.867.041.684
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	7.226.334.945	6.867.041.684
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.589.793.688	1.510.749.170

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

- Tiền thuê đất tại 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh (diện tích 12.685,2 m²) với đơn giá 36.250 VND/m².
- Tiền thuê đất tại 642 và 624 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với diện tích lần lượt là 360 m² và 1.378,2 m² Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tiền thuê đất	-	303.000.000
Chi phí lãi vay	260.020.924	189.756.440
Cộng	260.020.924	492.756.440

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4.532.551.603	449.681.371
Kinh phí công đoàn	202.605.702	197.915.302
Bảo hiểm xã hội	92.689.401	201.699.569
Cổ tức phải trả	4.237.256.500	50.066.500
Cộng	8.532.551.603	4.449.681.371

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	28.266.620.000	28.266.620.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱⁱ⁾	10.629.602.654	10.629.602.654
Cộng	38.896.222.654	38.896.222.654

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín – Chi nhánh Điện Biên Phủ để thanh toán tiền thuê đất với lãi suất theo từng thời điểm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.7b).

(ii) Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị, thời gian thuê là 05 năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	31.466.660.000	3.200.040.000	12.800.160.000	15.466.460.000
Nợ thuê tài chính	13.373.363.846	2.743.761.192	10.629.602.654	-
Cộng	44.840.023.846	5.943.801.192	23.429.762.654	15.466.460.000

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Tiền gốc phải trả	2.743.761.192	10.629.602.654	13.373.363.846
Lãi thuê phải trả	992.666.259	1.801.170.879	2.793.837.138
Nợ thuê tài chính phải trả	3.736.427.451	12.430.773.533	16.167.200.984

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	-	32.000.000.000	(533.340.000)	(3.200.040.000)	28.266.620.000
Nợ thuê tài chính	-	16.853.055.140	(3.479.691.294)	(2.743.761.192)	10.629.602.654
Cộng	-	48.853.055.140	(4.013.031.294)	(5.943.801.192)	38.896.222.654

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	106.292.426
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.359.335.447
Chi quỹ	(1.419.085.888)
Số cuối kỳ	46.541.985

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu thưởng), trong đó 93% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 7% từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 14 tháng 9 năm 2013 và Thông báo niêm yết cổ phiếu bổ sung số 391/TB-SGDHN ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 13.954.530.000 VND, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 12.933.464.204 VND và quỹ đầu tư phát triển 1.021.065.796 VND. Ngày 01 tháng 06 năm 2015 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 69.786.530.000 VND.

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.978.653	5.583.200
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.978.653	5.583.200
- Cổ phiếu phổ thông	6.978.653	5.583.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.977.643	5.582.190
- Cổ phiếu phổ thông	6.977.643	5.582.190
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ- ĐHCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (*)	: 8.374.383.600
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.235.759.498
• Quỹ phúc lợi	: 617.879.749
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thưởng cho Ban Tổng giám đốc và cán bộ chủ chốt	: 741.455.699

(*) Công ty chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền là 4.187.190.000 VND và bằng cổ phiếu là 4.187.193.600 VND. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa thực hiện việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	33.295,27	140.306,98
Euro (EUR)	252,20	257,66

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	15.184.070.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	221.470.005.493	205.007.395.752
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.817.936.143	-
Doanh thu khác	-	249.514.100
Cộng	241.472.011.636	205.256.909.852

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Hùng Cá</i>		
Bán hàng	7.893.525	227.656.500
<i>Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu</i>		
Bán hàng	72.233.256.080	22.863.086.862

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.184.070.000	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	206.824.914.882	188.959.658.545
Cộng	222.008.984.882	188.959.658.545

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	579.699.296	333.666.667
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.092.256	7.149.274
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	309.516.737	224.640.076
Lãi chậm thanh toán	-	1.782.025.854
Các doanh thu tài chính khác	-	1.010.000
Cộng	894.308.289	2.348.491.871

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.887.907.574	3.152.998.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.260.915.401	252.135.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	321.568.958	528.289.128
Các chi phí tài chính khác	230.818.189	75.486.124
Cộng	6.701.210.122	4.008.909.091

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.359.811.580	1.890.324.114
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.056.836	27.971.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.849.068	63.565.188
Chi phí hoa hồng	660.892.358	340.331.296
Chi phí vận chuyển	693.568.263	1.540.435.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	609.490.401	761.811.199
Các chi phí khác	375.263.626	341.557.898
Cộng	3.762.932.132	4.965.996.284

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.299.079.643	1.617.304.170
Chi phí đồ dùng văn phòng	484.218.402	83.626.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	868.722.587	633.570.333
Thuế, phí và lệ phí	299.421.975	277.774.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	758.920.499	2.955.810
Các chi phí khác	549.451.252	1.242.581.396
Cộng	5.259.814.358	3.857.813.217

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	733.996.783
Thu nhập cho thuê mặt bằng	2.535.272.728	2.129.086.839
Thu nhập khác	271.889.101	400.729.834
Cộng	2.807.161.829	3.263.813.456

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.636.541.257	5.356.292.514
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(732.750.363)	(696.318.027)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.903.790.894	4.659.974.487
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	6.977.643	5.268.515
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	703	884

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.582.190	3.848.990
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 4 năm 2014	-	24.072
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 13 tháng 4 năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển	1.395.453	1.395.453
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.977.643	5.268.515

8b. Thông tin khác

Ngày 13 tháng 4 năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh hồi tố và áp dụng qui định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.383 VND xuống còn 884 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.280.532.037	170.152.972.134
Chi phí nhân công	24.050.078.341	24.670.520.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.301.595.784	3.108.317.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.560.690.254	7.901.452.308
Chi phí khác	2.968.139.125	4.686.523.129
Cộng	235.161.035.541	210.519.785.349

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	15.334.648.140	-
Trả trước cho người bán tiền mua tài sản cố định	15.705.107.975	6.483.392.025
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	97.313.350	187.250

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Văn Hậu, Ông Ngô Đức Dũng và Bà Đinh Thị Bích Hà còn dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín – Chi nhánh Điện Biên Phủ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 7.800.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 940.905.681 VND (cùng kỳ năm trước là 860.659.652 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Hùng Cá

Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu

Trường đại học Văn Hiến

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hùng Cá		
Mua hàng	620.000.000	15.007.615.900
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu		
Thuê mặt bằng, thuê kho	1.100.000.000	480.000.000
Phí lưu kho	-	54.248.166
Mua hàng	1.849.878.250	-
Nhận chuyển nhượng vốn góp	15.000.000.000	-
Trường đại học Văn Hiến		
Cho thuê mặt bằng	1.677.127.761	1.759.920.745
Cho mượn	-	10.000.000.000
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	454.546

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	95.089.394.833	125.227.841.926
Trong nước	146.382.616.803	78.002.015.126
Cộng	241.472.011.636	203.229.857.052

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Việc áp dụng Chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	166.031.055.179	23.429.762.654	15.466.460.000	204.927.277.833
Phải trả người bán	20.315.958.118	-	-	20.315.958.118
Các khoản phải trả khác	8.497.277.424	-	-	8.497.277.424
Cộng	194.844.290.721	23.429.762.654	15.466.460.000	233.740.513.375
Số đầu năm				
Vay và nợ	138.203.915.098	-	-	138.203.915.098
Phải trả người bán	19.630.097.829	-	-	19.630.097.829
Các khoản phải trả khác	4.353.066.500	-	-	4.353.066.500
Cộng	162.187.079.427	-	-	162.187.079.427

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.295,27	252,20	140.306,98	257,66
Phải thu khách hàng	800.051,24	-	468.354,62	-
Vay và nợ	(2.250.984,94)	-	(3.869.724,46)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.417.638,43)	252,20	(3.261.062,86)	257,66

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 142.527.461.933 VND và 2.250.984,94 USD (số đầu năm là 55.364.583.642 VND và 3.869.724,46 USD).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 2.850.549.240 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.107.291.673 VND).

Rủi ro do biến động của lãi suất các khoản vay USD đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Châu Văn Liêm (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 28.072.902.778 VND (số đầu năm là 19.000.000.000 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.584.760.255	5.682.268.212	6.584.760.255	5.682.268.212
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	28.072.902.778	19.000.000.000	28.072.902.778	19.000.000.000
Phải thu khách hàng	60.213.937.442	76.023.762.336	60.213.937.442	76.023.762.336
Các khoản phải thu khác	3.912.481.050	926.601.432	3.912.481.050	926.601.432
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.225.500.000	225.500.000	15.225.500.000	225.500.000
Cộng	114.009.581.525	101.858.131.980	114.009.581.525	101.858.131.980
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	204.927.277.833	138.014.158.658	204.927.277.833	138.014.158.658
Phải trả người bán	20.315.958.118	19.630.097.829	20.315.958.118	19.630.097.829
Các khoản phải trả khác	8.497.277.424	4.542.822.940	8.497.277.424	4.542.822.940
Cộng	233.740.513.375	162.187.079.427	233.740.513.375	162.187.079.427

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ- ĐHCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:6, ngày chốt danh sách cổ đông là 24 tháng 7 năm 2015 và theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 số 02/NQ- ĐHCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 348.000 cổ phiếu. Ngày 07 tháng 8 năm 2015, Công ty đã công bố Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu với số cổ phiếu phát hành tính đến ngày 06 tháng 8 năm 2015 là 7.745.184 cổ phiếu.

Ngoài ra, Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ- ĐHCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HHA-HDQT ngày 07 tháng 7 năm 2015, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để sáp nhập Công ty cổ phần thủy sản Hùng Hậu vào Công ty trong quý 3 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Nữ Huyền My
Người lập biểu

Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng



Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu kỳ trước	38.500.000.000	26.076.197.233	(10.100.000)	15.429.918.170	20.958.115.512	100.954.130.915
Phát hành cổ phiếu	17.332.000.000	3.387.445.455	-	-	-	20.719.445.455
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	5.356.292.514	5.356.292.514
Trích lập các quỹ	-	-	-	822.028.504	(1.479.651.308)	(657.622.804)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.545.000.000)	(6.545.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	55.832.000.000	29.463.642.688	(10.100.000)	16.251.946.674	18.289.756.718	119.827.246.080
Số dư đầu năm nay	55.832.000.000	29.463.642.688	(10.100.000)	16.251.946.674	25.291.059.186	126.828.548.548
Phát hành cổ phiếu	13.954.530.000	-	-	(1.021.065.796)	(12.933.464.204)	-
Chi phí phát hành	-	(89.727.273)	-	-	-	(89.727.273)
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	5.636.541.257	5.636.541.257
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.235.759.498	(2.595.094.945)	(1.359.335.447)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.187.190.000)	(4.187.190.000)
Số dư cuối kỳ này	69.786.530.000	29.373.915.415	(10.100.000)	16.466.640.376	11.211.851.294	126.828.837.085



Nguyễn Nữ Huyền My
Người lập biểu



Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2015

Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc